

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng lên ngưỡng 1,675 ngay từ khi mở cửa, tuy nhiên chỉ số bị lực bán tại đây đẩy xuống gần co trong vùng 1,635 – 1,650 trước khi đóng cửa tại mốc 1,644.63 điểm, giảm gần 14 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bảo hiểm giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Công nghệ thông tin,... Ở chiều ngược lại, ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX, UPCOM. Thị trường đang tìm điểm cân bằng trong vùng 1,600 – 1,725; trước mắt, thị trường đang đối mặt với vùng kháng cự 1,645 – 1,660 và cần vượt qua vùng này để trở về vùng 1,700 – 1,725.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tất cả HĐTL đều giảm theo nhịp điều chỉnh của thị trường.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 26/03/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-13.56** điểm, đóng cửa tại **1644.63** điểm. HNX-Index **-1.46** điểm, đóng cửa tại **248.21** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.18)**, **GEE (+0.54)**, **DCM (+0.38)**, **DPM (+0.26)**, **VJC (+0.26)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.66)**, **GAS (-1.11)**, **FPT (-0.99)**, **TCB (-0.97)**, **VCB (-0.89)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,531** tỷ đồng, giảm **-17.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,054 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 27.05 điểm. Thị trường có **123** mã tăng, 46 mã tham chiếu, **207** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-741.87** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (-353.03 tỷ)**, **FPT (-246.70 tỷ)**, **VCB (-103.12 tỷ)**, **DGC (-84.75 tỷ)**, **STB (-66.47 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **39.84** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.83%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - DCM (+6.93%)** ([Link báo cáo](#))
 - HCM (+3.08%)** ([Link báo cáo](#))
 - VCI (+2.57%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - TNG (+7.00%)** ([Link báo cáo](#))
 - VTP (+6.97%)** ([Link báo cáo](#))
 - DPM (+5.78%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.83%	-0.21%	-0.82%	-1.29%
1 tuần	-1.82%	-0.37%	-3.21%	-3.39%
1 tháng	-10.95%	-9.02%	-11.94%	-12.66%
3 tháng	-1.72%	1.66%	-4.92%	-8.89%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,644.63	248.21	123.59
% 1D	-0.82%	-0.58%	-0.12%
GTKL (tỷ VND)	17,531	1,254	404
%1D	-17.85%	-21.41%	-38.10%
GDNN (tỷ VND)	-741.87	39.84	5.55

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	164.00	FUEVFNVD	-353.03
DCM	65.55	FPT	-246.70
ACB	55.73	VCB	-103.12
HCM	43.71	DGC	-84.75
VCI	39.38	STB	-66.47

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

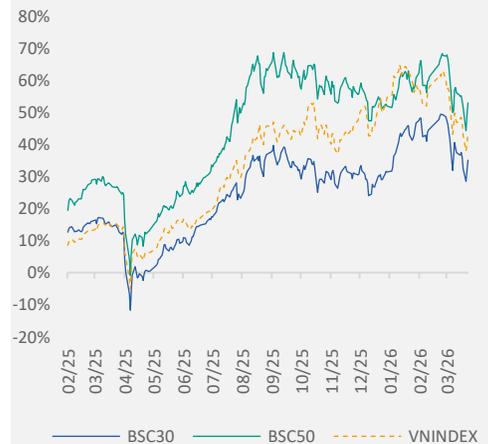
		%D	%W
SPX	6,592	0.54%	-0.50%
FTSE100	10,022	-0.84%	-0.41%
Eurostoxx	5,585	-1.15%	-0.60%
Shanghai	3,889	-1.09%	-2.93%
Nikkei	53,604	-0.27%	-3.17%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	98.85	0.73%
Giá vàng	4,555	1.31%
Tỷ giá		
USD/VND	26,357	-0.01%
EUR/VND	31,228	-0.40%
JPY/VND	169	-0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.3%	
LS LNH 1M	7.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	130.00	1.01%	2.18	10.46
GEE	169.00	4.06%	0.54	1.16
DCM	48.60	6.93%	0.38	8.04
DPM	31.10	5.78%	0.26	12.33
VJC	155.00	1.31%	0.26	2.16

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	17.10	2.40%	0.25	6.32
TNG	26.00	7.00%	0.13	4.16
LAS	17.80	4.71%	0.05	1.25
PVI	80.00	0.50%	0.05	0.04
HTC	49.60	9.98%	0.05	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTP	95.10	6.97%	0.17	0.86
PIT	8.02	6.93%	0.00	0.01
DCM	48.60	6.93%	0.38	8.04
BFC	57.20	6.92%	0.05	0.46
HU1	6.73	6.83%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	49.60	9.98%	0.31	0.01
TJC	16.60	9.93%	0.05	0.01
AME	6.90	9.52%	0.16	0.00
ONE	11.60	9.43%	0.03	0.03
SGH	24.00	9.09%	0.10	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	101.10	-2.98%	-2.66	3.58
GAS	80.30	-2.67%	-1.11	1.30
FPT	74.20	-3.64%	-0.99	10.73
TCB	30.15	-2.11%	-0.97	8.77
VCB	57.90	-0.86%	-0.89	6.24

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

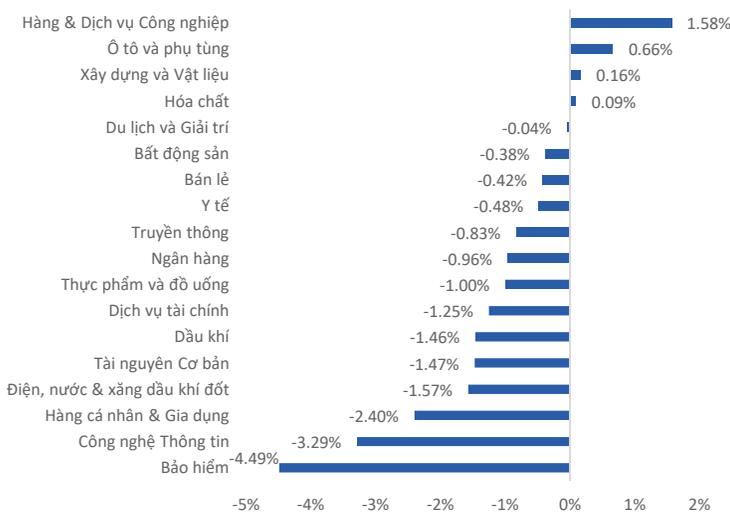
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	83.70	-1.53%	-0.66	0.04
NVB	10.70	-1.83%	-0.21	0.19
KSV	142.00	-1.18%	-0.19	0.03
MBS	23.10	-2.12%	-0.19	3.06
NTP	54.70	-2.32%	-0.12	0.11

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

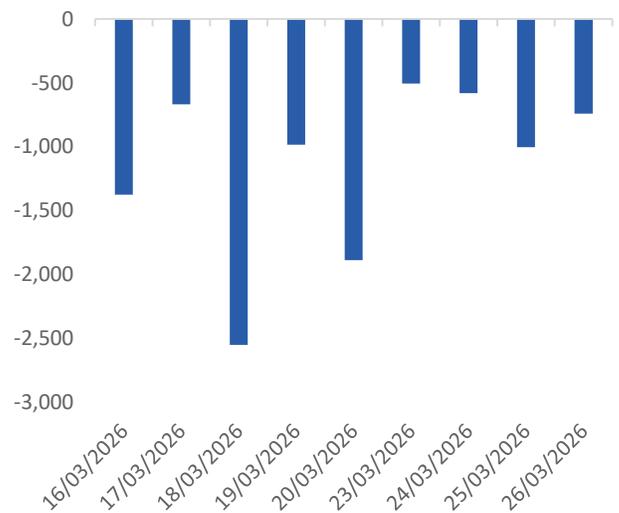
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCF	306.90	-7.00%	-0.12	0.00
HRC	53.50	-6.96%	-0.02	0.00
PAC	26.50	-5.36%	-0.02	1.93
AAM	6.07	-5.16%	0.00	0.00
BVH	81.50	-5.12%	-0.66	0.80

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTT	17.70	-9.69%	-0.03	0.00
KKC	5.90	-9.23%	-0.01	0.00
VC6	23.90	-8.78%	-0.09	0.00
PIC	17.00	-8.11%	-0.17	0.00
SHN	3.50	-7.89%	-0.14	0.02

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.5	-0.9%	1.1	115,271	690.6	4,775	16.4	113,000	48.5%	Link
KBC	Bất động sản	28.7	-0.7%	1.0	27,028	50.8	2,450	11.7	46,000	9.6%	Link
KDH	Bất động sản	25.5	-1.6%	1.0	28,560	69.2	943	27.0	39,900	29.0%	Link
PDR	Bất động sản	15.4	0.3%	1.2	15,316	114.7	531	28.9	28,200	6.5%	Link
VHM	Bất động sản	101.1	-3.0%	1.5	415,259	368.7	10,200	9.9	119,600	7.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	74.2	-3.6%	0.7	126,400	808.1	5,515	13.5	124,400	33.3%	Link
BSR	Dầu khí	27.3	-0.9%	0.0	136,449	258.3	1,036	-	-	2.0%	Link
PVS	Dầu khí	42.0	-0.5%	1.4	21,480	210.1	3,560	11.8	52,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	21.8	3.1%	1.0	23,489	382.8	1,454	15.0	-	34.1%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	26.4	-1.9%	1.0	65,640	621.8	1,979	13.3	-	31.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	26.4	2.6%	0.8	30,298	283.5	1,311	20.1	-	19.4%	Link
DCM	Hóa chất	48.6	6.9%	0.9	25,729	379.3	3,702	13.1	40,200	8.6%	Link
DGC	Hóa chất	52.3	-4.4%	1.0	19,862	266.7	7,965	6.6	96,700	6.5%	Link
ACB	Ngân hàng	23.6	-0.8%	0.8	121,225	194.9	3,042	7.8	27,100	27.4%	Link
CTG	Ngân hàng	33.8	-0.7%	1.0	262,523	193.5	4,454	7.6	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	24.6	-1.4%	1.0	122,880	394.7	3,432	7.2	32,700	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.8	-0.8%	1.0	207,819	419.9	3,325	7.8	32,400	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.3	0.0%	1.0	35,256	42.5	1,804	6.3	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	60.6	-2.6%	0.8	114,244	452.1	3,150	19.2	-	13.0%	Link
TCB	Ngân hàng	30.2	-2.1%	1.1	213,650	269.1	3,577	8.4	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.9	-1.6%	1.1	44,107	117.6	2,660	6.0	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	57.9	-0.9%	0.8	483,794	361.0	4,210	13.8	75,800	20.4%	Link
VIB	Ngân hàng	17.0	-1.7%	0.8	57,698	160.5	2,143	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	26.2	-0.4%	1.0	207,869	574.3	3,024	8.7	36,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.9	-1.7%	0.9	198,795	495.0	2,013	12.9	32,200	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.5	0.7%	0.9	9,004	29.4	1,012	14.3	15,700	3.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	22.9	-1.7%	0.9	8,813	33.2	3,915	5.9	28,800	1.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.1	-1.5%	1.0	104,251	347.6	2,710	26.6	100,400	23.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.0	-1.8%	0.6	127,487	125.9	4,503	13.6	78,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.0	3.21%	1.0	9,953	95.7	2,492	18.1	21.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	158.0	-0.38%	0.9	26,908	55.4	4,667	33.9	33.1%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	81.5	-5.12%	1.1	60,499	66.5	3,996	20.4	27.4%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	13.6	-1.81%	1.0	10,792	145.5	990	13.7	2.7%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	13.9	-2.12%	1.0	15,407	216.7	229	60.6	19.7%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	17.8	-1.11%	1.0	3,546	55.3	2,559	6.9	1.6%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	29.6	-3.27%	1.0	10,951	105.7	1,907	15.5	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	46.8	0.00%	1.3	17,761	93.8	5,090	9.2	14.7%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	28.4	-3.07%	0.9	13,777	123.9	1,805	15.7	41.2%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	56.3	-0.88%	0.9	13,631	6.8	5,601	10.1	2.6%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	28.3	-0.70%	0.9	5,094	14.0	1,916	14.8	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.9	-3.64%	1.1	14,503	232.3	416	38.3	12.0%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	130.0	1.01%	1.7	1,001,784	1335.9	1,468	88.6	3.0%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	25.6	-3.04%	1.3	58,058	53.0	2,837	9.0	11.8%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	28.9	0.35%	1.0	6,731	10.9	1,700	17.0	37.9%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	39.9	-3.39%	0.9	50,697	170.0	2,122	18.8	14.6%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	34.7	-0.14%	0.7	19,289	144.1	1,866	18.6	11.7%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	25.0	-1.57%	1.1	8,662	14.5	1,161	21.5	24.8%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	23.1	-2.12%	1.7	15,414	71.2	1,883	12.3	0.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	80.3	-2.67%	0.9	193,760	104.6	4,730	17.0	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	-1.87%	1.0	40,189	193.9	857	15.3	2.9%	7.3%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.7	1.13%	0.6	38,837	148.5	4,669	15.4	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	155.0	1.31%	0.8	91,700	330.3	3,728	41.6	6.5%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.4	-0.56%	1.0	31,945	533.4	1,638	21.6	6.7%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77.8	0.78%	1.0	33,181	170.7	3,986	19.5	41.6%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	1.49%	0.7	10,128	59.7	6,755	8.1	5.6%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.4	3.23%	0.8	10,526	291.5	2,208	10.1	12.7%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	95.1	6.97%	0.7	11,582	80.6	3,325	28.6	4.8%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	106.0	-4.50%	0.7	36,162	317.8	8,350	12.7	48.9%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.2	3.11%	0.8	2,599	54.1	2,402	9.7	48.4%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.0	7.00%	1.4	3,347	104.0	3,172	8.2	22.2%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	31.1	5.78%	0.8	21,146	370.5	1,579	19.7	5.8%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	30.0	-1.64%	1.2	120,000	73.0	1,406	21.3	0.8%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	22.4	-0.67%	1.1	41,725	705.4	610	36.7	3.4%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	41.8	0.00%	0.6	124,868	26.6	3,824	10.9	0.7%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	12.9	1.18%	0.5	22,047	13.5	2,438	5.3	1.0%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.2	-0.45%	0.8	29,693	576.4	1,506	7.4	19.6%	12.2%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.4	-0.37%	1.0	5,975	45.4	461	28.9	5.0%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	22.8	-1.52%	1.1	6,057	14.1	3,754	6.1	3.4%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.6	0.44%	0.6	10,519	49.9	341	101.4	3.4%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.8	-2.23%	0.8	56,112	26.8	3,449	12.7	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.3	1.37%	0.8	13,310	30.1	6,073	9.8	20.4%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	125.1	-2.42%	0.5	10,241	36.9	15,010	8.3	81.7%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.5	1.66%	0.9	9,106	110.1	7,388	11.6	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.0	2.66%	0.9	9,723	96.2	5,243	16.2	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	40.7	-0.37%	0.9	4,826	17.0	3,178	12.8	19.0%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	-0.41%	1.0	6,593	64.7	1,210	10.0	10.7%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	28.3	1.43%	0.7	11,639	365.2	2,553	11.1	15.8%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.8	-0.91%	0.8	14,061	205.0	6,084	3.6	3.5%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.7	-1.76%	1.1	20,041	32.0	3,130	14.3	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
2	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
3	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
4	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
5	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
6	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
8	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
9	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
10	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
12	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
15	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
20	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
21	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
22	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>